

Số: 1651/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (Hạng mục bãi đỗ thải)

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai số 45 ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm

theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu; số 21/2023/QĐ-UBND ngày 4/10/2023 về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND thành phố Lai Châu về ban hành đơn giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu.

Căn cứ Bản đồ trích đo địa chính khu đất dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (Hạng mục bãi đỗ thải) do Công ty Cổ phần ứng dụng công nghệ Tài nguyên và Môi trường thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu xác nhận ngày 16/9/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 976/TTr-TNMT ngày 25/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

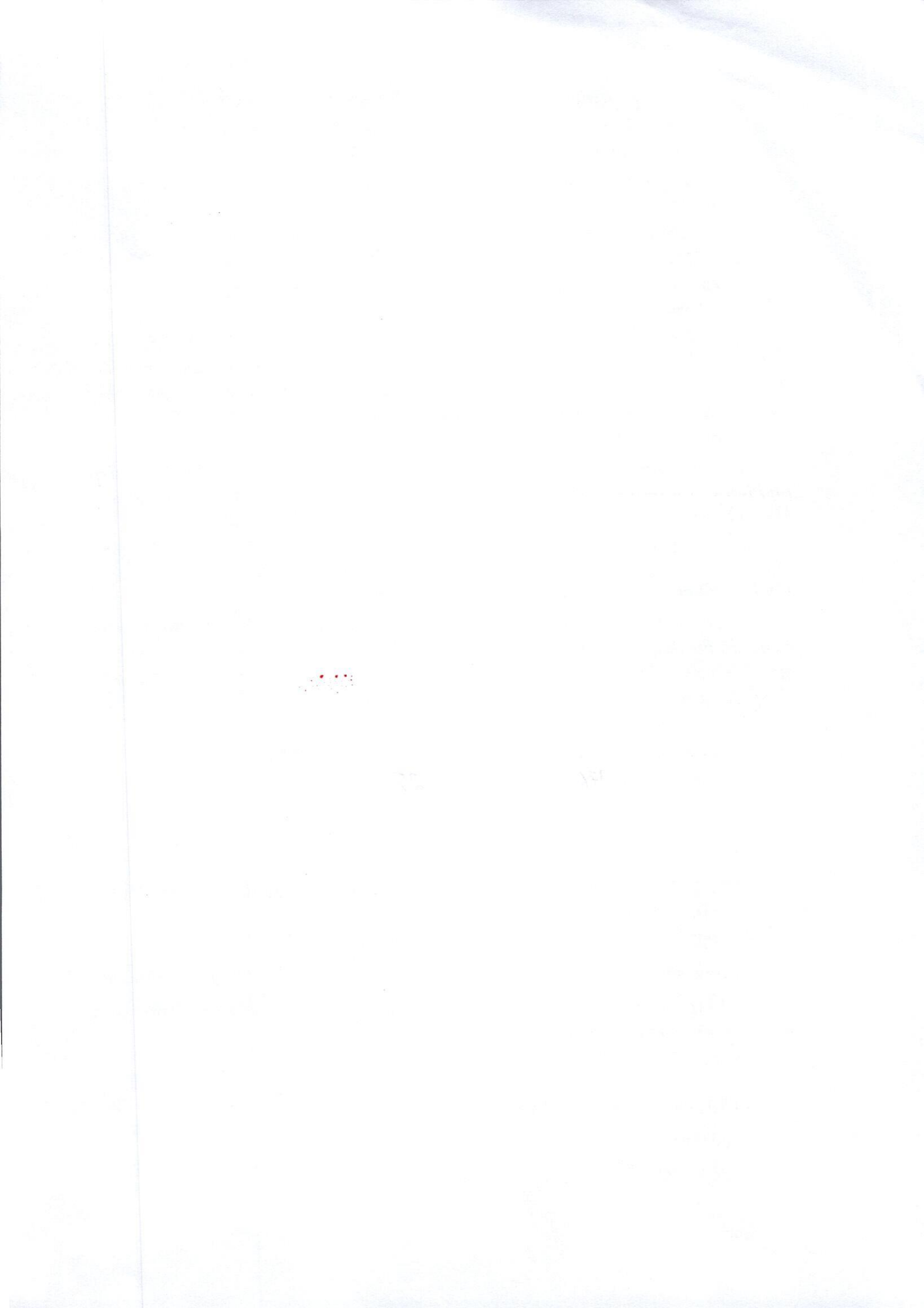
Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (Hạng mục bãi đỗ thải).

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **7.930.232.403 đồng**.

(Bằng chữ: Bảy tỷ, chín trăm ba mươi triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm linh ba đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	7.930.232.403 đồng
+ Về đất:	1.507.459.100 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	665.396.386 đồng



+ Về cây cối, hoa màu:

458.048.127 đồng

+ Về chính sách hỗ trợ

5.299.298.790 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Quyết Thắng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

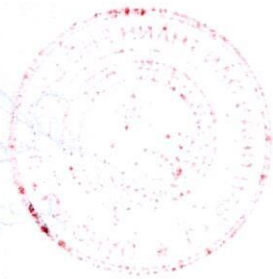
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÀI ĐỊNH CƯ
 DỰ ÁN: TUYỂN ĐƯỜNG VÀ MẶT BẰNG ĐÔ THỊ ĐƯỜNG NỘI TỬ TRỤ SỞ UBND PHƯỜNG ĐOÀN KẾT MỚI ĐỀN
 GIAO ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG QUYẾT THẮNG (HẠNG MỤC BÃI ĐỒ THÁI)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2023 của UBND thành phố Lai Châu

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	
A	Tổng cộng				7.930.232.403	
I	Chi trả cho chủ sở hữu				7.930.232.403	
1	Đất				1.507.459.100	
2	Tài sản				665.396.386	
3	Hoa màu				458.078.127	
4	Chính sách hỗ trợ				5.299.298.790	
B	Chi tiết cho các hộ dân/tổ chức				7.930.232.403	
1	Hộ gia đình bà: Ú THỊ YẾN					
	Địa chỉ thường trú: bản Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				155.022.555	
a	Về đất				32.011.620	
1	Diện tích thu hồi	m ²	946,4			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng lúa nước một vụ	m ²	297,3	38.900	11.564.970	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	649,1	31.500	20.446.650	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Hộ gia đình bà Ú Thị Yến được đo đạc, quy chủ 04 thửa đất (thửa số 155, 220, 218 và 219 tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 946,4 m ² (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc: các thửa đất trên do gia đình bà Ú Thị Yến tự khai hoang năm 1998 với mục đích sử dụng là đất nương rẫy và đất trồng lúa nước một vụ, gia đình sử dụng đất ổn định không tranh chấp.					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản gia đình bà Ú Thị Yến tự làm năm 1998, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)				7.774.800	
1	Hàng rào dây thép gai cột tre	md	70	18.400	1.288.000	
2	Kè đá xếp khan (30*0.4*0.7)+(70*0.4*0.7)	m ³	28	173.900	4.869.200	
3	Khối lượng đào mương cấp nước thủ công (50*0.4*0.8)	m ³	16	101.100	1.617.600	
c	Về cây cối hoa màu				2.416.305	
1	Cây chuối chưa có buồng cao từ 1,2m trở lên	Cây	20	24.393	487.860	
2	Cây chuối chưa có buồng cao dưới 1,2m	Cây	4	21.313	85.252	
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 1 (bưởi, ôi)	Cây	15	55.804	837.060	
4	Hàng rào cây sống	m	100	7.200	720.000	
5	01 Cây lấy gỗ D=30cm, cao h=6m	m ³	0,21	1.350.000	286.133	
d	Về chính sách hỗ trợ				112.819.830	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa nước 01 vụ)	m ²	297,3	155.600	46.259.880	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác)	m ²	649,1	94.500	61.339.950	



STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (2 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	360,0	14.500	5.220.000	
2	Hộ gia đình ông: Giàng A Phóng					
	Địa chỉ thường trú: Bản Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				146.831.884	
a	Về đất				33.651.450	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1068,3			
2	Loại đất:					
2,1	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	1068,3	31.500	33.651.450	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Giàng A Phóng bị thu hồi 01 thửa đất với tổng diện tích thu hồi là 1068,3 m² (thửa số 174 tờ bản đồ số 15 theo bản đồ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc: do gia đình tự khai hoang sử dụng từ năm 1998 đến nay.</p> <p>Một phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 108, tờ BĐ số 15, thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS do UBND phường quản lý. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân trong quá trình đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Tất cả thửa đất trên hiện trạng đều do ông Giàng A Phóng đang sử dụng với mục đích sử dụng: đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản gia đình ông Giàng A Phóng tự làm năm 2000, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)				626.040	
1	Kè đá xếp khan (0.3*0.4*30)	m ³	3,6	173.900	626.040	
c	Về cây cối hoa màu				6.380.044	
1	6 Cây xoan đường kính D 20cm, cao 10m	m ³	0,942	1.375.000	1.295.250	
2	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 3	Cây	1	134.794	134.794	
3	Sản lượng ngô (năng suất 5,5 tấn/ha/năm x 900m ²)	Kg	495	10.000	4.950.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				106.174.350	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác)	m ²	1068,3	94.500	100.954.350	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (2 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	360,0	14.500	5.220.000	
3	Hộ gia đình ông: NỪNG A SỬU					
	Địa chỉ thường trú: bản Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				88.007.170	
a	Về đất				20.609.220	
1	Diện tích thu hồi	m ²	529,8			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	529,8	38.900	20.609.220	
	Vị trí: Vị trí 1					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Nùng A Sừ bị thu hồi 01 thửa đất (thửa số 161 tờ bản đồ số 15 theo bản đồ thu hồi dự án) với tổng diện tích thu hồi là 529,8 m². Đổi chiều hồ sơ địa chính phần diện tích đất thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 108, tờ bản đồ địa chính số 15, loại đất BCS do UBND phường quản lý, nguyên nhân do sai số trong quá trình đo đạc, quy chủ năm 2013 chưa chính xác. Thửa đất trên ông Nùng A Sừ đang sử dụng, có nguồn gốc do gia đình ông Nùng A Sừ tự khai hoang năm 1982 với mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản gia đình ông Nùng A Sừ tự tạo lập năm 1992, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính)					939.060
1	Kè đá xếp khan (0.9*0.4*15)	m ³	5,4	173.900	939.060	
c	Về cây cối hoa màu					4.631.230
1	Cây quất hồng bì trồng hạt năm thứ 4	cây	10	193.568	1.935.680	
2	Cây lấy gỗ khác trồng từ 4 năm đến dưới 5 năm	cây	50	43.911	2.195.550	
3	Rau màu gói vụ	m ²	50	10.000	500.000	
d	Về chính sách hỗ trợ					61.827.660
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	529,8	116.700	61.827.660	
4	Hộ gia đình ông: HỒ VĂN SÙNG					
	Địa chỉ thường trú: Bản Sáo Làn Than - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					123.889.405
a	Về đất					30.684.150
1	Diện tích thu hồi	m ²	974,1			
2	Loại đất:					
2,1	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	974,1	31.500	30.684.150	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Hồ Văn Sùng bị thu hồi 01 thửa đất (thửa số 167 tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 974,1 m² Đổi chiều hồ sơ địa chính năm năm 2013, phần diện tích đất thu hồi có nguồn gốc cụ thể như sau: Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 108, tờ BĐ số 15, thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS do UBND phường quản lý. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân trong quá trình đo đạc quy chủ chưa chính xác. Thực tế hộ gia đình ông Hồ Văn Sùng đang sử dụng, có nguồn gốc khai hoang sử dụng đất năm 2000. Nguyên nhân trong quá trình đo đạc quy chủ năm 2013 chưa chính xác. Mục đích sử dụng đất: Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác. Gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.</p>					Xem lại xác minh tên hồ a sùng và Hồ Văn Sùng
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản gia đình ông Hồ Văn Sùng tự làm từ năm 2000, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)					347.800
1	Kè đá xếp khan (10*0.4*0.5)	m ³	2	173.900	347.800	
c	Về cây cối hoa màu					805.005
1	Cây chuối chưa buồng chiều cao trên 1,2m	cây	15	24.393	365.895	
2	Cây lấy gỗ khác trồng từ 4 năm đến dưới 5 năm	Cây	10	43.911	439.110	
d	Về chính sách hỗ trợ					92.052.450

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác)	m ²	974,1	94.500	92.052.450	
5	Hộ gia đình: VÀNG VĂN MUÔN					
	Địa chỉ thường trú: Bản Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				555.214.226	
a	Về đất				78.414.510	
1	Diện tích thu hồi	m ²	2110,1			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng lúa nước một vụ	m ²	1232,2	38.900	47.932.580	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	344,3	31.500	10.845.450	
2,3	Đất bằng trồng cây hằng năm khác	m ²	533,6	36.800	19.636.480	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Vàng Văn Muôn bị thu hồi 10 thửa đất (thửa số 144, 147, 184, 185, 186, 187, 188, 190, 189, 191 - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 2110,1 m ² có nguồn gốc nhận tặng cho QSDĐ của ông Vàng Văn Chuẩn năm 2007, ông Chuẩn khai hoang sử dụng từ năm 1990. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do sai số trong quá trình đo đạc. Mục đích sử dụng Đất trồng lúa, đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác và đất bằng trồng cây hằng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai.					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gia đình ông Vàng Văn Muôn tự làm năm 2007, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính)				151.403.520	
1	Kè đá xếp khan (39*2*0.8)+(81*2.0*0.8)	m ³	192	173.900	33.388.800	
2	Tường xây gạch bi T12 (36*1.8)	m ²	64,8	156.400	10.134.720	
3	Khối lượng đào đắp đất bằng máy (500m ² x 4m)	m ³	2000	13.500	27.000.000	
4	Đào đắp đất đá bằng thủ công (400m ² x 2m)	m ³	800	101.100	80.880.000	
c	Về cây cối hoa màu				31.780.086	
1	Cây cỏ voi	m ²	60	4.800	288.000	
2	Cây ôi bán kính phát tán 1-2m	cây	9	413.072	3.717.648	
3	Cây ôi ăn quả trồng hạt năm thứ 4	cây	7	193.568	1.354.976	
4	Cây xoan lấy gỗ trồng từ 4 đến dưới 5 năm	cây	15	43.911	658.665	
5	1 Cây xoan đường kính D=50cm, cao h=20m	m ³	1,96	2.200.000	4.317.500	
6	3 Cây xoan đường kính D=30cm, cao h=15m	m ³	1,59	2.200.000	3.497.175	
7	32 Cây xoan đường kính D 25cm, cao 12m	m ³	9,42	1.375.000	12.952.500	
8	Cây chanh phát tán bán kính R=1-2m	cây	2	225.543	451.086	
9	16 Cây chuối có buồng (20kg/buồng)	Kg	320	6.000	1.920.000	
10	Cây nhãn bán kính phát tán R 2-4m	cây	4	655.634	2.622.536	
d	Về chính sách hỗ trợ				293.616.110	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa nước 01 vụ)	m ²	1232,2	155.600	191.730.320	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác)	m ²	344,3	94.500	32.536.350	
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất bằng trồng cây hằng năm khác)	m ²	533,6	110.400	58.909.440	
4	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	720,0	14.500	10.440.000	
6	Hộ gia đình: NÙNG VĂN LUẬT					
	Địa chỉ thường trú: bản Nậm Loong 3 - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+c+d)				231.452.730	
a	Về đất				53.842.950	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1709,3			
2	Loại đất:					
2,1	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	1709,3	31,500	53.842.950	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Nùng Văn Luật được đo đạc, quy chủ 01 thửa đất (thửa số 170 loại đất NHK - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 1709,3 m ² . (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Có nguồn gốc nhận tặng cho QSD đất của bố là ông Nùng Văn Păn năm 2006, đất ông Păn tự khai hoang năm 1982. Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất thửa 108, TBĐ số 15, quy đất BCS do UBND phường quản lý, nguyên nhân do sai số trong các lần đo đạc. Mục đích sử dụng: Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai.					Các biên bản không cùng địa chỉ
c	Về cây cối hoa màu				8.250.930	
1	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	25	21.313	532.825	
2	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	101	24.393	2.463.693	
3	12 Cây chuối có buồng (20kg/buồng)	kg	240	6.000	1.440.000	
4	Cây ổi bán kính phát tán R 2-4m	cây	2	485.072	970.144	
5	02 Cây lấy gỗ đường kính D 30cm, cao 15m	m ³	1,06	1.350.000	1.430.663	
6	Cây xoan lấy gỗ trồng từ 4 đến dưới 5 năm	cây	5	43.911	219.555	
7	7 Cây lấy gỗ đường kính D 20cm, cao 10m	m ³	1,10	950.000	1.044.050	
8	Cây và đường kính D>25cm	cây	1	150.000	150.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				169.358.850	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác)	m ²	1709,3	94.500	161.528.850	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30 % đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (3 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	540,0	14.500	7.830.000	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
7	Hộ gia đình: VÀNG VĂN TÍN					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 12 - phường Quyết Tiến - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				345.692.105	
a	Về đất				67.596.210	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1753,5			
2	Loại đất:					
2,1	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	83,1	31.500	2.617.650	
2,2	Đất trồng lúa nước một vụ	m ²	1670,4	38.900	64.978.560	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Vàng Văn Tín được đo đạc, quy chủ 07 thửa đất (thửa số 165, 230, 231, 232, 233, 234, 235 - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 1753,5 m ² (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án) do ông Vàng Văn Tín sử dụng, có nguồn gốc do gia đình tự khai hoang sử dụng từ năm 1990. Các thửa đất do ông Vàng Văn Tín sử dụng canh tác, sản xuất nông nghiệp với mục đích trồng lúa nước 1 vụ và trồng nương rẫy. Nguyên nhân do sai số giữa các lần đo, bản đồ đo đạc chưa chính xác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai.					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc trên đất là kê đá xếp khan gia đình tự làm từ năm 2000; sử dụng ổn định, không tranh chấp; do ông Tín tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt, không bị xử phạt vi phạm hành chính. Sử dụng đúng mục đích sử dụng đất)				782.550	
1	Kê đá xếp khan (50*0.3*0.3)	m ³	4,5	173.900	782.550	
c	Về cây cối hoa màu				9.546.155	
1	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	9	21.313	191.817	
2	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	77	24.393	1.878.261	
3	32 Cây chuối có buồng (20kg/buồng)	kg	640	6.000	3.840.000	
4	Sản lượng ngô (năng suất 5,5 tấn/ha/năm x 650 m ²)	kg	357,5	10.000	3.575.000	
5	Cây gỗ sưa trồng trên 4 năm đến dưới 5 năm tuổi	cây	1	61.077	61.077	
d	Về chính sách hỗ trợ				267.767.190	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác)	m ²	83,1	94.500	7.852.950	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá Đất trồng lúa nước một vụ)	m ²	1670,4	155.600	259.914.240	
8	Hộ gia đình: TẤN A TỈNH					
	Địa chỉ thường trú: bản Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+d)				1.593.725	9975
a	Về đất				136.150	
1	Diện tích thu hồi	m ²	3,5			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng lúa nước một vụ	m ²	3,5	38.900	136.150	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Phần diện tích thu hồi thuộc thửa đất 41, TĐĐ 15 đã được UBND TX Lai Châu cấp GCN QSD đất số BQ185609; Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					



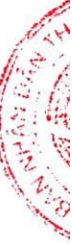
STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
b	Tài sản, vật kiến trúc (Kè đá gia đình tự làm năm 1998; sử dụng ổn định, không tranh chấp; do ông Tỉnh tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt; không bị xử phạt vi phạm hành chính; sử dụng đúng mục đích)				912.975	
1	Kè đá xếp khan (1.5*0.5*7)	m3	5,25	173.900	912.975	
d	Về chính sách hỗ trợ				544.600	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa nước 1 vụ)	m ²	3,5	155.600	544.600	
9	Hộ gia đình: HỒ THỊ CHIU					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 12 - phường Quyết Tiến - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				614.347.165	10473750
a	Về đất				126.618.370	
1	Diện tích thu hồi	m ²	3509,9			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng lúa nước một vụ	m ²	2169,8	38.900	84.405.220	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	1340,1	31.500	42.213.150	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Hồ Thị Chiu được đo đạc, quy chủ 08 thửa đất (thửa số 166,227, 221, 222, 223, 224, 225, 226 - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 3509,9 m ² , (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do sai số trong quá trình đo đạc. Thực tế là đất của bà Hồ Thị Chiu đang sử dụng, có nguồn gốc do gia đình tự khai hoang năm 2000, sử dụng với mục đích đất trồng lúa và trồng nương rẫy. Nguyên nhân do đo đạc, quy chủ chủ sử dụng đất chưa chính xác, nhằm chủ sử dụng đất. Gia đình sử dụng đúng ranh giới, loại đất, sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gia đình ông Hồ Thị Chiu tự làm năm 2000, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)				939.060	
1	Kè đá xếp khan (0.3*0.6*30)	m ³	5,4	173.900	939.060	
c	Về cây cối hoa màu				6.869.405	
1	Cây lấy gỗ khác trồng từ 4 năm đến dưới 5 năm	cây	10	43.911	439.110	
2	Cây chuối chưa buồng chiều cao trên 1.2m	cây	15	24.393	365.895	
3	Cây dâu tằm	m ²	2	7.200	14.400	
4	Sản lượng ngô (năng suất 5,5 tấn/ha/năm x 1100m ²)	kg	605,00	10.000	6.050.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				479.920.330	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa nước 1 vụ)	m ²	2169,8	155.600	337.620.880	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	1340,1	94.500	126.639.450	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (3 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1.080,0	14.500	15.660.000	
10	Hộ gia đình: VÙI THỊ CÚC					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	Địa chỉ thường trú: Bàn Sáo Làn Than - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				356.706.693	#REF!
a	Về đất				62.561.190	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.862,1			
2	Loại đất:					
2,1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	736,8	36.800	27.114.240	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	1.125,3	31.500	35.446.950	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Hộ gia đình bà Vui Thị Cúc được đo đạc, quy chủ 02 thửa đất (thửa số 154,159, tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 1862,1 m ² . (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Thửa đất bà Cúc nhận tặng cho QSD đất của bố đẻ là ông Vui Văn Sinh năm 2007, đất ông Sinh tự khai hoang sử dụng từ năm 1990. Mục đích sử dụng: Đất bằng trồng cây hàng năm khác và trồng nương rẫy. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Tài sản gia đình bà Vui Thị Cúc tự xây dựng năm 2013; sử dụng ổn định, không tranh chấp; không bị lập biên bản vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính; tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt dự án. Nhà khung cột gỗ, bán mái khung sắt xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, các tài sản còn lại là chuồng lợn, ống thép, đường dây điện đúng mục đích sử dụng đất)				45.929.980	
	<i>Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất hỗ trợ 50% mức bồi thường (Quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>					
1	Nhà khung cột gỗ (phần khung nhà đường kính cột >20cm) (5.0*9.5)	m ²	47,5	463.700	22.025.750	
2	Mái lợp fibro xi măng (5.0*9.5)	m ²	47,5	28.300	1.344.250	
3	Ghép ván gỗ quanh nhà (27*2.5)	m ²	67,5	67.400	4.549.500	
4	Bán mái khung sắt mái lợp ngói bro xi măng (2.9*2.4)	m ²	6,96	163.750	1.139.700	
	<i>Tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất bồi thường 100% giá trị</i>					
1	Chuồng lợn xây, mái lợp ngói Fibro xi măng, nền láng VXM (8.5*3.2)	m ²	27,2	417.900	11.366.880	
2	Đường dây điện 2x1 (Cu/PVC)	m	290	10.130	2.937.700	
3	Di chuyển cột thép fi 60 mắc đường dây điện	Cột	6	427.700	2.566.200	
c	Về cây cối hoa màu				34.431.953	
1	Cây đào phát tán bán kính R 2-4m	cây	1	485.072	485.072	
2	Cây đào phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	413.072	413.072	
3	Cây chanh phát tán bán kính R 1-2m	cây	2	225.543	451.086	
4	Cây bơ phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	410.324	410.324	
5	Cây xoài phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	410.324	410.324	
6	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	10	21.313	213.130	
7	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	10	24.393	243.930	
8	Cây ổi phát tán bán kính R 1-2m	cây	2	413.072	826.144	
9	Cây đu đủ trồng từ 1-2 năm chưa thu hoạch	cây	3	45.412	136.236	
10	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 1	cây	4	55.804	223.216	
11	Cây bưởi phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	362.709	362.709	
12	Cây xoan lấy gỗ trồng 4 đến dưới 5 năm tuổi	cây	2	43.911	87.822	
13	Cây mắc ca bán kính tán R 1-2m	cây	51	505.041	25.757.091	
14	3 cây xoan lấy gỗ đường kính D=30cm, cao h=13m	m ³	1,38	2.200.000	3.030.885	
15	Cây mận phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	413.072	413.072	

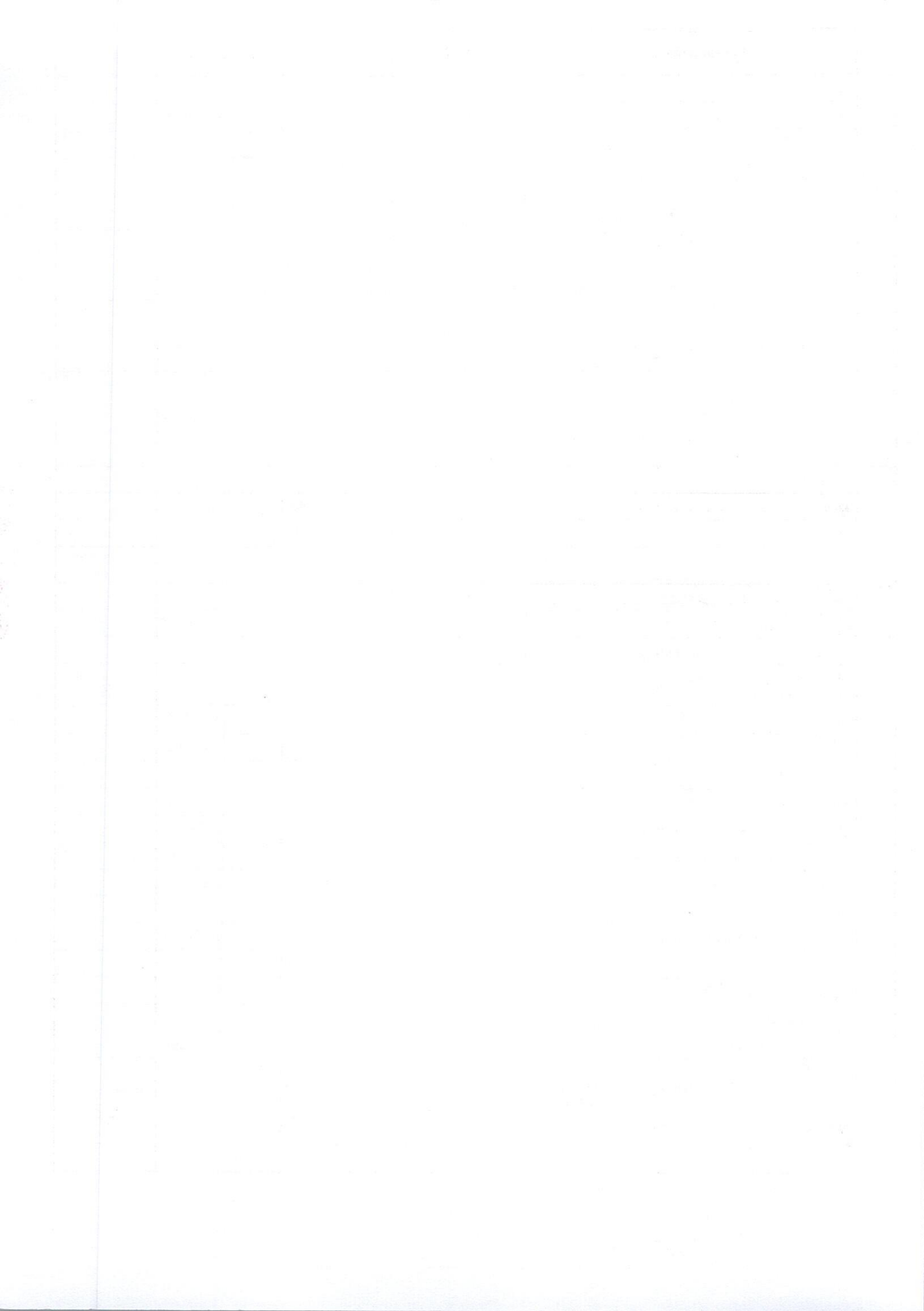
STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
16	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	cây	5	193.568	967.840	
d	Về chính sách hỗ trợ				213.783.570	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất bằng trồng cây hằng năm khác)	m ²	736,8	110.400	81.342.720	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	1125,3	94.500	106.340.850	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở) (5 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1.800,0	14.500	26.100.000	
11	Hộ gia đình: NÙNG VĂN THẮNG					
	Địa chỉ thường trú: Bản Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				751.992.366	
a	Về đất				107.791.420	
1	Diện tích thu hồi	m ²	3.375,6			
2	Loại đất:					
2,1	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	3.178,3	31.500	100.116.450	
2,2	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	197,3	38.900	7.674.970	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Nùng Văn Thắng được đo đạc, quy chủ 02 thửa đất (thửa số 175, 178, tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 3.375,6 m². (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 108 – TBĐ số 15, quy đất BCS do UBND phường quản lý, thực tế do ông Nùng Văn Thắng đang sử dụng, phần diện tích này hộ gia đình chưa thu hồi, bồi thường tại dự án xây dựng công trình đường thị xã Lai Châu – Sìn Hồ năm 2010. Toàn bộ diện tích đất thu hồi của ông Nùng Văn Thắng được nhận tặng cho QSD đất của bố đẻ là ông Nùng Văn Tấn năm 1997. Đất ông Tấn khai hoang từ năm 1982. Mục đích sử dụng: Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác và nuôi trồng thủy sản. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Tài sản vật kiến trúc gia đình ông Nùng Văn Thắng tạo lập từ năm 2007; sử dụng ổn định, không tranh chấp, không bị lập biên bản và xử lý vi phạm hành chính; tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt. Sử dụng đúng mục đích sử dụng đất.)				201.409.650	
1	Hàng rào lưới thép B40 cột tre, gỗ (26.4*1.5)	m ²	39,6	122.700	4.858.920	
2	Cọc BTCT		57	159.300	9.080.100	
3	Kè đá xây (55*0.5*1.7)	m ³	46,75	481.200	22.496.100	
4	Khối lượng đào hào thủ công (120*1.0*0.8)	m ³	96	101.100	9.705.600	
5	Cột thép mắc dây điện	Cột	3	427.700	1.283.100	
6	Khối lượng đào đắp đất bằng máy (770m ² x cao 5m)	m ³	3850	13.500	51.975.000	
7	Khối lượng đào đắp đất thủ công (400m ² x cao 2m)	m ³	800	101.100	80.880.000	
8	Ao đào không phân biệt cấp đất, cao 1,5m	m ³	295,95	71.400	21.130.830	
c	Về cây cối hoa mẫu				119.417.036	
1	Cây đào phát tán bán kính R>4m	Cây	4	655.072	2.620.288	
2	Cây mận phát tán bán kính R 2-4m	Cây	11	485.072	5.335.792	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú	
3	Cây ôi phát tán bán kính R 2-4m	Cây	17	485.072	8.246.224		
4	Cây nhãn phát tán bán kính R 2-4m	Cây	12	655.634	7.867.608		
5	Cây chanh phát tán bán kính R 1-2m	Cây	3	225.543	676.629		
6	Cây ôi phát tán bán kính R 1-2m	Cây	14	413.072	5.783.008		
7	Cây hồng phát tán bán kính R 1-2m	Cây	1	410.324	410.324		
8	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	Cây	107	24.393	2.610.051		
9	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	Cây	85	21.313	1.811.605		
10	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	Cây	75	193.568	14.517.600		
11	Cây bơ phát tán bán kính R>4m	Cây	3	935.324	2.805.972		
12	Cây và đường kính gốc D >25cm	Cây	1	150.000	150.000		
13	Cây tre đường kính gốc D >10cm	Cây	65	48.000	3.120.000		
14	Cây tre đường kính gốc D 5-10cm	Cây	32	30.000	960.000		
15	Cây mắc ca trồng năm thứ 3	Cây	45	228.254	10.271.430		
16	Chậu cây cảnh	chậu	10	26.948	269.480		
17	Cỏ voi	m ²	50	4.800	240.000		
18	45 Cây xoan đường kính D 15cm, cao h 10m	m ³	3,97	1.375.000	5.464.336		
19	42 Cây xoan đường kính D 25cm, cao h 14m	m ³	14,42	1.375.000	19.833.516		
20	17 Cây xoan đường kính D 30cm, cao h 16m	m ³	9,01	2.200.000	19.817.325		
21	Cây xoài phát tán bán kính R>4m	Cây	2	935.324	1.870.648		
22	Sản lượng cá (197,3m ² * 0.4kg/m ²)	kg	79	60.000	4.735.200	1.183.800	
d	Về chính sách hỗ trợ				323.374.260		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	3178,3	94.500	300.349.350		
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	197,3	116.700	23.024.910		
12	Họ và tên: Ú A TẾ						
	Địa chỉ thường trú: Bản Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu						
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					1.170.370.808	5985000
a	Về đất				209.107.480		
1	Diện tích thu hồi	m ²	5.952,2				
2	Loại đất:						
2,1	Đất trồng lúa nước một vụ	m ²	2.920,7	38.900	113.615.230		
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	3.031,5	31.500	95.492.250		
	Vị trí: Vị trí 1						
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Ú A TẾ được đo đạc, quy chủ 12 thửa đất (các thửa số 168, 146, 169, 210, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 243 - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 5.952,2 m² (Theo BD trích đo thu hồi dự án). Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 87 quy đất NHK do UBND phường quản lý. Thực tế là đất của ông Ú A TẾ đang sử dụng, có nguồn gốc tự khai hoang từ năm 1990. Phần diện tích này hộ gia đình chưa thu hồi, bồi thường tại dự án xây dựng công trình đường thị xã Lai Châu – Sìn Hồ năm 2010.</p> <p>Thực tế toàn bộ diện tích trên là đất của ông Ú A TẾ đang sử dụng, có nguồn gốc tự khai hoang từ năm 1990. Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai.</p>						

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gia đình ông Ú A Tế tự làm năm 1990, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.				120.333.105	
1	Kè đá xếp khan (0.9*0.3*145)	m ³	39,15	173.900	6.808.185	
2	Khối lượng đào đắp mương dẫn nước vào ruộng (160*1.8*0.9)	m ³	259,2	101.100	26.205.120	Không nhất trí
3	Khối lượng san đồ đất bằng máy (800m ² x 3m)	m ³	2400	13.500	32.400.000	
4	Khối lượng đục phá đất đá thủ công (320 m ² x 1.5m)	m ³	480	101.100	48.528.000	
5	Dây thép gai	m	450	5.000	2.250.000	
6	Cọc BTCT hàng rào	Cọc	26	159.300	4.141.800	
c	Về cây cối hoa màu				89.552.553	
1	30 Cây xoan đường kính D 30cm, cao h 17m	m ³	18,02	2.200.000	39.634.650	
2	10 Cây xoan đường kính D 25cm, cao h 15m	m ³	3,68	1.375.000	5.059.570	
3	Cò voi	m ²	50	4.800	240.000	
4	Sản lượng ngô (1100 m ² 5,5 tấn/ha/năm)	kg	605	10.000	6.050.000	
5	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	10	21.313	213.130	
6	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	65	24.393	1.585.545	
7	26 Cây chuối có buồng (20kg/buồng)	kg	520	6.000	3.120.000	
8	Cây ôi phát tán bán kính R 1-2m	cây	5	413.072	2.065.360	
9	Cây sa nhân đã cho thu hoạch	m ²	50	30.000	1.500.000	
10	Cây mắc ca bán kính tán R 1-2m	cây	18	505.041	9.090.738	
11	Cây nhãn bán kính phát tán R 1-2m	cây	6	655.634	3.933.804	
12	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	5	21.313	106.565	
13	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	10	24.393	243.930	
14	Cây mắc ca bán kính tán R 1-2m	cây	29	505.041	14.646.189	
15	Cây ôi phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	413.072	413.072	
16	Sản lượng ngô (năng suất 5,5 tấn/ha/năm x 300 m ²)	kg	165	10.000	1.650.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				751.377.670	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa nước 1 vụ)	m ²	2920,7	155.600	454.460.920	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	3031,5	94.500	286.476.750	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (2 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	720,0	14.500	10.440.000	
13	Hộ gia đình: Ú VĂN HỮU					
	Địa chỉ thường trú: Bản Sáo Làn Than - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				1.030.476.579	10972500
a	Về đất				200.321.870	
1	Diện tích thu hồi	m ²	5.734,7			
2	Loại đất:					



STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2,1	Đất trồng lúa nước một vụ	m ²	2.659,3	38.900	103.446.770	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	3.075,4	31.500	96.875.100	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Ú Văn Hữu được đo đạc, quy chủ 14 thửa đất (các thửa số 148, 149, 151, 152, 153, 158, 160, 162, 163, 229, 156, 164, 171, 240 - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 5734,7 m², (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). + Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 87, TBĐ số 15 quy loại đất NHK do UBND phường quản lý. Thực tế hộ gia đình ông Ú A Hữu đang sử dụng, phần diện tích này hộ gia đình chưa thu hồi, bồi thường tại dự án xây dựng công trình đường thị xã Lai Châu – Sin Hồ năm 2010. Toàn bộ diện tích trên do hộ gia đình ông Ú A Hữu đang sử dụng, có nguồn gốc nhận tặng cho QSD đất của bà Vui Thị Léo năm 2000, đất bà Léo khai hoang từ năm 1985. Mục đích sử dụng đất: Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác và trồng lúa nước một vụ. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gia đình ông Ú Văn Hữu tự làm năm 2000, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)				79.347.516	
1	Kè đá xếp khan (1.7*0.6*50)+(0.4*0.4*94)	m ³	66,04	173.900	11.484.356	
2	Hàng rào dây thép gai cột tre, gỗ	md	180	18.400	3.312.000	
3	Tấm đan BTCT (1.2*2.9*0.1)	m ³	0,348	1.707.800	594.314	(bác qua suối)
4	Kè đá xếp khan (0.5*0.9*1.8)*2	m ³	1,62	173.900	281.718	(dưới tấm đan bác qua suối)
5	Cọc BTCT	Cọc	42	159.300	6.690.600	
6	Khối lượng đổ đất bằng máy (600m ² x cao 6m)	m ³	3600	13.500	48.600.000	
7	Khối lượng đào đất bằng máy (120 m ² x cao 1m)	m ³	120	13.500	1.620.000	
8	Khối lượng đào đất thủ công (50*1.0*0.4)+(33*0.4*0.2)	m ³	22,64	101.100	2.288.904	Cấp nước cho ruộng
9	Ống nhựa PVC fi 110 dày 1,9mm	m	68	65.818	4.475.624	
c	Về cây cối hoa màu				35.954.813	
1	Cây mắc ca bán kính tán R 1-2m	cây	23	505.041	11.615.943	
2	10 Cây xoan đường kính D 30cm, cao h 15m	m ³	5,30	2.200.000	11.657.250	
3	5 Cây xoan đường kính từ D 20cm, cao 10m	m ³	0,785	1.375.000	1.079.375	
4	Cây xoan trồng 4 đến dưới 5 năm tuổi	cây	10	43.911	439.110	
5	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	cây	26	89.999	2.339.974	
6	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	200	24.393	4.878.600	
7	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	65	21.313	1.385.345	
8	Cỏ voi	m ²	150	4.800	720.000	
9	Cây ôi phát tán bán kính R 1-2m	cây	3	413.072	1.239.216	
10	Cây sa nhân đã cho thu hoạch	m ²	20	30.000	600.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				714.852.380	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa nước 1 vụ)	m ²	2659,3	155.600	413.787.080	



STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	3075,4	94.500	290.625.300	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	720,0	14.500	10.440.000	
14	Hộ gia đình: Ú A KẾ					
	Địa chỉ thường trú: Bản Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				1.788.532.661	29925000
a	Về đất				363.618.710	
1	Diện tích thu hồi	m ²	10.032,7			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng lúa nước một vụ	m ²	6.430,9	38.900	250.162.010	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	3.601,8	31.500	113.456.700	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Ú A Kế được đo đạc, quy chủ 18 thửa đất (các thửa số 193, 194, 196, 197, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 157, 192, 198 - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 10.032,7 m² (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 24 – TBD số 4, đất LNC do UBND phường Quản lý; chồng lấn thửa đất số 106 – TBD số 15, đất DTL do UBND phường Quản lý, thực tế toàn bộ diện tích trên là đất của ông Ú A Kế đang sử dụng, có nguồn gốc do gia đình tự khai hoang năm 1993. Nguyên nhân do sai số giữa các lần đo đạc, bản đồ đo đạc chưa chính xác.</p> <p>Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa, đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gia đình ông Ú A Kế tự làm năm 1990, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)				38.710.650	
1	Kè đá xếp khan (0.35*1.0*98)+((20*0.4*0.6)*2)+(40*0.6*1.0)	m ³	67,9	173.900	11.807.810	
2	Hàng rào thép gai cọc tre, gỗ	md	100	18.400	1.840.000	
3	Khối lượng đào đắp đất bằng máy (850 m ² * cao 1,0 m)	m ³	850	13.500	11.475.000	
4	Khối lượng đào mương nước cho ruộng thủ công (140*1.2*0.8)	m ³	134,4	101.100	13.587.840	<i>Không nhất trí</i>
c	Về cây cối hoa màu				37.355.161	
1	Cây gạo đường kính gốc >25cm	Cây	2	150.000	300.000	
2	Cây ổi phát tán bán kính R 1-2m	Cây	33	413.072	13.631.376	
3	Cây ổi phát tán bán kính R 2-4m	Cây	1	485.072	485.072	
4	9 Cây xoan đường kính D 20cm, cao 10m	m ³	1,41	1.375.000	1.942.875	
5	Cây xoan trồng từ 4 đến dưới 5 năm	Cây	4	43.911	175.644	
6	Cây quế lấy gỗ trồng từ 1 đến 2 năm tuổi (<i>áp dụng tính bằng cây chưa tính được gỗ</i>)	Cây	200	30.630	6.126.000	
7	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3	Cây	101	134.794	13.614.194	
8	Cây thuốc được liệt kê cho thu hoạch	m ²	20	54.000	1.080.000	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú	
d	Về chính sách hỗ trợ				1.348.848.140		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa nước 1 vụ)	m ²	6430,9	155.600	1.000.648.040		
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	3601,8	94.500	340.370.100		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (3 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	540,0	14.500	7.830.000		
15	Hộ gia đình: NÙNG THỊ LÍU						
	Địa chỉ thường trú: Tổ 12 - phường Quyết Tiến - thành phố Lai Châu						
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					293.455.702	
a	Về đất				60.108.300		
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.908,2				
2	Loại đất:						
2,1	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m ²	1.908,2	31.500	60.108.300	94.500	
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Nùng Thị Líu được đo đạc, quy chủ 03 thửa đất (các thửa số 172, 173, 176 loại đất NHK - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 1908,2 m². (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Toàn bộ diện tích trên là đất của bà Nùng Thị Líu đang sử dụng, có nguồn gốc nhận tặng cho QSD đất của bà Vui Thị Khèo năm 1993, đất bà Khèo khai hoang từ năm 1977. Nguyên nhân do trong quá trình đo đạc quy chủ chưa chính xác, không đúng chủ sử dụng đất. Mục đích sử dụng: Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác. Gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.</p>						
	<p>Tài sản, vật kiến trúc Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gia đình bà Nùng Thị Líu tự làm năm 2013, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)</p>						
b	Tài sản, vật kiến trúc				2.086.800		
1	Kè đá xếp khan (50*0.6*0.4)	m ³	12	173.900	2.086.800		
c	Về cây cối hoa màu				50.935.702		
1	Cây chuối chưa buồng chiều cao trên 1,2m	Cây	48	24.393	1.170.864		
2	Cây chuối chưa buồng chiều cao dưới 1,2m	Cây	19	21.313	404.947		
3	16 Cây chuối có buồng (20kg/buồng)	kg	320	6.000	1.920.000		
4	Cây tre đường kính D 5-10cm	Cây	60	30.000	1.800.000		
5	Cây tre đường kính D>10cm	Cây	70	48.000	3.360.000		
6	Cây tre đường kính D<5cm	Cây	20	18.000	360.000		
7	4 Cây lấy gỗ đường kính D 30cm cao h 15m	m ³	2,12	1.350.000	2.861.325		
8	30 Cây lấy gỗ đường kính D 25cm cao h 13m	m ³	18,75	950.000	17.814.103		
9	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	Cây	59	193.568	11.420.512		
10	Cây bưởi bán kính phát tán R 2-4m	Cây	2	500.709	1.001.418		
11	Cây chanh phát tán bán kính R 1-2m	Cây	1	225.543	225.543		
12	Cây đào phát tán bán kính R 2-4m	Cây	2	485.072	970.144		

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
13	Cây mật phát tán bán kính R 1-2m	Cây	6	413.072	2.478.432	
14	Cây khế bán kính phát tán R 1-2m	Cây	1	223.154	223.154	
15	Cây bơ phát tán bán kính R 1-2m	Cây	2	410.324	820.648	
16	Cây nhãn bán kính phát tán R 2-4m	Cây	6	655.634	3.933.804	
17	Dàn nhót đã cho thu hoạch	m ²	4	12.702	50.808	
18	Hàng rào cọc tre	m	20	6.000	120.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				180.324.900	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	1908,2	94.500	180.324.900	
16	Đất đang tranh chấp giữa ông Trần Văn Hường và ông Ú A Đích					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6 - phường Quyết Tiến - Tp Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				264.632.630	
a	Về đất				60.385.500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.917,0			
2	Loại đất:					
2,1	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	1.917,0	31.500	60.385.500	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Trần Văn Hường được đo đạc, quy chủ 01 thửa đất (thửa số 150 loại đất NHK - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 1917,0 m². (Theo BD trích đo thu hồi dự án). Thửa đất thu hồi đã cấp GCNQSD đất cho ông Ú A Đích, số phát hành GCN BQ185640. Ông Ú A Đích đã chuyển nhượng đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn Hường ngày 30/3/2016 tại Hợp đồng số 05 quyền số 01/2016-TP/CT-SCT/HĐGD do UBND phường Quyết Thắng chứng thực. Đất ông Đích nhận tặng cho QSD đất từ ông Ú A Siêng năm 2003, đất ông Siêng khai hoang từ năm 1982. Mục đích sử dụng đất: Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác. Thửa đất đang tranh chấp giữa ông Ú A Đích và ông Trần Văn Hường.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gia đình ông Ú A Đích tự làm năm 2000, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)				3.338.880	
1	Kè đá xếp khan (32*0.5*1.2)	m ³	19,2	173.900	3.338.880	
c	Về cây cối hoa màu				19.751.750	
1	7 Cây xoan đường kính D=30cm, cao h=14m	m ³	3,46	2.200.000	7.616.070	
2	Sản lượng ngô (1800 m ² x năng suất 5,5 tấn/ha/năm)	Kg	990	10.000	9.900.000	
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	cây	10	193.568	1.935.680	
4	Hàng rào cọc tre	m	50	6.000	300.000	
d	Về chính sách hỗ trợ (tạm tính hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp)				181.156.500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	1917	94.500	181.156.500	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
17	01 ngôi mộ vô chủ nằm trên đất ông Ú A Hữu					
	Địa chỉ: Bàn Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ				5.257.000	
	Tài sản, vật kiến trúc				5.257.000	
1	Mộ vô chủ chưa cải táng đắp đất xếp đá trên ba (03) năm	mộ	1	5.257.000	5.257.000	
18	01 ngôi mộ của gia đình ông Lò Văn Biên nằm trên đất ông Trần Văn Hường					
	Địa chỉ: Bàn Màng - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng d)				6.757.000	
	Tài sản, vật kiến trúc				5.257.000	
1	Mộ vô chủ chưa cải táng đắp đất xếp đá trên ba (03) năm	mộ	1	5.257.000	5.257.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				1.500.000	
1	Hỗ trợ lễ tâm linh theo phong tục, tập quán của người đồng bào dân tộc thiểu số không có tập quán di chuyển (Theo Khoản 6, Điều 13, QĐ số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/4/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	mộ	1	1.500.000	1.500.000	



